TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 951/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng.

2. Ông Đặng Văn Ẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 472/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 437/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 370/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Minh H**, sinh năm: 1983 (Vắng mặt - Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: A ấp B, xã C, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: A ấp B, xã C, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn ông Lê Minh H trình bày: Ông và bà Trần Thị Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2008, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 11/9/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan

điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc H.

Về con chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Minh H đối với bà Trần Thị Ngọc H; Về con chung: Không có; Tài sản chung: Không có; Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Minh H nộp đơn xin ly hôn đối với bà Trần Thị Ngọc H. Bà Trần Thị Ngọc H hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Lê Minh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Trần Thị Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bà Trần Thị Ngọc H đến Tòa án để giải quyết vụ án về ly hôn giữa ông Lê Minh H với bà Trần Thị Ngọc H nhưng bà H không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, bà Trần Thị Ngọc H tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, bà Trần Thị Ngọc H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 158 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2008 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa giữa ông Lê Minh H và bà Trần Thị Ngọc H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại các Điều 9, 10, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà H không thể hàn gắn được, nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông H thì giữa ông và bà H bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, bà H cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Minh H đối với bà Trần Thị Ngọc H.

[6] Về con chung: Ông H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Ông H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Ông H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Ông Lê Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Minh H đối với bà Trần Thị Ngọc H.

Ông Lê Minh H được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 158 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Lê Minh H chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0041064 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Minh H và bà Trần Thị Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Ủy ban nhân dân xã Hưng Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

2 000005 877209

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định